

Số: 04/TB-ĐGTS

Bình Phước, ngày 10 tháng 01 năm 2025

## THÔNG BÁO ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

Căn cứ Luật đấu giá tài sản năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản năm 2016.

Căn cứ Hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản số 01/HĐ-DVĐGTS ngày 10/01/2025 giữa Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản Bình Phước với Công ty TNHH MTV Cao su Bình Phước.

Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Bình Phước thông báo đấu giá tài sản:

**1. Người có tài sản đấu giá:** Công ty TNHH MTV Cao su Bình Phước.

Địa chỉ: Đường Trần Văn Trà, P. Tân Phú, TP. Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

**2. Tổ chức đấu giá tài sản:** Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Bình Phước

Địa chỉ: Số 238 Đ. Trần Hưng Đạo, P. Tân Phú, TP. Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

**3. Tên tài sản và nơi có tài sản:**

a) Tên tài sản: 67.440 cây cao su đứng thanh lý; diện tích 137,76 ha (vườn cây trồng năm 2003, 2004, 2008, 2014) của Công ty TNHH MTV cao su Bình Phước (có danh sách kèm theo)

b. Giấy tờ về quyền sở hữu, quyền sử dụng đối với tài sản đấu giá: Quyết định số 1134/QĐ-CSBP-HĐTV ngày 11/12/2024 của Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV Cao su Bình Phước về việc thanh lý bán vườn cây.

**Nơi có tài sản:** khu vực Tân Hòa 1 thuộc Đội Tân Hòa, xã Tân Hòa, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

**4. Giá khởi điểm:** 27.650.400.000 đồng (hai mươi bảy tỷ, sáu trăm năm mươi triệu, bốn trăm nghìn đồng).

**5. Thời gian, địa điểm xem tài sản:**

a. Thời gian xem tài sản: Từ ngày 15/01/2025 đến ngày 17/01/2025 (Trong giờ hành chính).

b. Địa điểm xem tài sản: khu vực Tân Hòa 1 thuộc Đội Tân Hòa, xã Tân Hòa, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước. anh Thắng ĐT liên hệ: 0985.395.143, chị Duy, ĐT liên hệ: 0918.226.357 để được hướng dẫn xem tài sản.

**6. Ngày, giờ bắt đầu, hết hạn, địa điểm bán hồ sơ mời tham gia đấu giá, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá.**

1. Ngày, giờ bắt đầu bán hồ sơ mời tham gia đấu giá, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá: Từ 07 giờ 30 phút ngày **13/01/2025**

2. Ngày, giờ kết thúc bán hồ sơ mời tham gia đấu giá, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá: 17 giờ 00 phút ngày **03/02/2025**

3. Địa điểm bán hồ sơ mời tham gia đấu giá, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá: Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Bình Phước - 238 đường Trần Hưng Đạo, P Tân Phú, TP Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước hoặc Công ty TNHH MTV Cao su Bình Phước - Đường Trần Văn Trà, P. Tân Phú, TP.Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

**7. Tiền mua hồ sơ mời tham gia đấu giá, tiền đặt trước; ngày, giờ bắt đầu, hết hạn nộp tiền đặt trước.**

1. Tiền mua hồ sơ mời tham gia đấu giá: 500.000 đồng/hồ sơ

2. Tiền đặt trước: **15%** giá khởi điểm của tài sản.

3. Ngày, giờ bắt đầu, hết hạn nộp tiền đặt trước.

a) Ngày, giờ bắt đầu nộp tiền đặt trước: 07 giờ 30 phút ngày **13/01/2025**

b) Ngày, giờ hết hạn nộp tiền đặt trước: 17 giờ 00 phút ngày **03/02/2025**

- Thông tin tài khoản nộp tiền đặt trước:

+ **Tên tài khoản: Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Bình Phước.**

+ **Tại Ngân hàng: Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Phước**

+ **Số tài khoản: 1041000041055**

**8. Thời gian, địa điểm, điều kiện, cách thức đăng ký tham gia đấu giá:**

1. Thời gian đăng ký: Từ 07 giờ 30 phút ngày **13/01/2025** đến 17 giờ 00 phút ngày **03/02/2025**

2. Địa điểm đăng ký: tại Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Bình Phước.

3. Điều kiện đăng ký: Mọi tổ chức, cá nhân có đầy đủ năng lực pháp luật, năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được tham gia đấu giá theo Khoản 4, Điều 38 Luật Đấu giá tài sản hiện hành đều có quyền tham gia đăng ký đấu giá.

- Một người không được nhận ủy quyền tham gia đấu giá của người tham gia đấu giá khác đối với tài sản mà mình cũng là người tham gia đấu giá tài sản đó; nhận ủy quyền tham gia đấu giá của từ hai người tham gia đấu giá trở lên đối với cùng một tài sản; Không được tham dự phiên đấu giá trong trường hợp vợ, chồng, anh ruột, chị ruột, em ruột cũng là người tham gia đấu giá đối với tài sản đó.

4. Cách thức đăng ký:

a) Người đăng ký tham gia đấu giá phải trực tiếp đi đăng ký tại địa điểm đăng ký. Nếu người khác đi đăng ký thay phải có văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật.

b) Hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá bao gồm:

- Phiếu đăng ký tham gia đấu giá do Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Bình Phước phát hành.

- Bản sao có chứng thực một trong các giấy tờ sau: Hộ chiếu/CCCD/Thẻ Căn cước hoặc Thông báo mã số định danh cá nhân.

- Bản sao có chứng thực Giấy phép kinh doanh và Hộ chiếu/CCCD/Thẻ Căn cước hoặc Thông báo mã số định danh cá nhân của người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền nếu người đăng ký tham gia đấu giá là tổ chức.

- Văn bản cam kết xem tài sản.

- Khách hàng đăng ký tham gia đấu giá phải nộp tiền đặt trước theo quy định.

### **9. Thời gian, địa điểm bỏ phiếu trả giá:**

9.1. Thời gian bỏ phiếu trả giá: Từ 07 giờ 30 phút ngày **13/01/2025** đến 17 giờ 00 phút ngày **03/02/2025**

9.2. Địa điểm bỏ phiếu trả giá: Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Bình Phước - 238 đường Trần Hưng Đạo, P Tân Phú, TP Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

### **10. Thời gian, địa điểm tổ chức phiên đấu giá,**

1. Thời gian tổ chức phiên đấu giá: 09 giờ 00 phút ngày **06/02/2025**

2. Địa điểm tổ chức phiên đấu giá: Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Bình Phước.

### **11. Hình thức đấu giá, Phương thức đấu giá**

11.1. Phương thức đấu giá: Phương thức trả giá lên.

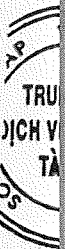
11.2. Hình thức đấu giá: Đấu giá bằng hình thức bỏ phiếu gián tiếp.

- Giá trả tối thiểu: Bằng giá khởi điểm trở lên.

11.3. Cách ghi phiếu trả giá: Khách hàng đăng ký tham gia đấu giá được phát 01 phiếu trả giá kèm theo hồ sơ mời tham gia đấu giá, khách hàng phải ghi đầy đủ thông tin theo mẫu phiếu mà Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Bình Phước đã phát hành.

- Giá trả bằng số và bằng chữ. Giá trả bằng số và bằng chữ phải khớp với nhau, trường hợp không khớp với nhau thì phiếu trả giá không hợp lệ;

- Ký, đóng dấu của tổ chức, ghi rõ họ và tên. Trường hợp không có con dấu thì phiếu trả giá không hợp lệ.



Phiếu trả giá của người tham gia đấu giá phải được cho vào phong bì dán kín, có chữ ký của người trả giá tại các mép của phong bì đựng phiếu. Phiếu trả giá được gửi qua đường bưu chính hoặc được nộp cho Trung tâm đấu giá tài sản tỉnh Bình Phước để bỏ vào thùng phiếu. Thùng phiếu phải được niêm phong ngay khi hết thời hạn nhận phiếu.

11.4. Thời hạn nộp phiếu trả giá: Từ 07 giờ 30 phút ngày **13/01/2025** đến 17 giờ 00 phút ngày **03/02/2025**.

11.5. Phiếu hợp lệ, Phiếu không hợp lệ

a) Phiếu trả giá hợp lệ

+ Mẫu phiếu trả giá do Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản phát hành hành (Phiếu được in theo mẫu, có đóng dấu của Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Bình Phước ở góc bên trái của phiếu). Nếu người tham gia đấu giá sử dụng phiếu khác là không hợp lệ, không có giá trị.

+ Phiếu trả giá phải có chữ ký của người trả giá tại các mép của phong bì đựng phiếu;

+ Phiếu trả giá phải ghi đầy đủ nội dung quy định trong phiếu trả giá;

+ Số tiền phải trả ghi trong phiếu trả giá phải khớp cả về số và chữ, giá phải trả ghi trong phiếu trả giá ít nhất phải bằng giá trả tối thiểu.

+ Phiếu trả giá được bỏ vào thùng phiếu theo đúng thời gian quy định;

b) Phiếu trả giá không hợp lệ

+ Những phiếu trả giá trái với quy định của phiếu trả giá hợp lệ ở trên thì được xem là không hợp lệ. Những phiếu trả giá không hợp lệ sẽ bị loại và không được công nhận việc bỏ phiếu trả giá và kết quả trả giá.

11.6. Trình tự, thủ tục niêm phong, mở niêm phong thùng phiếu:

6. Trình tự, thủ tục niêm phong, mở niêm phong thùng phiếu:

a) Niêm phong thùng phiếu

- Việc niêm phong thùng phiếu 1 lần ngày sau khi hết thời hạn nhận phiếu. Thành phần tham gia niêm phong thùng phiếu bao gồm: Đại diện Trung tâm DV ĐGTS tỉnh BP, đại diện Người có tài sản và người đăng ký tham gia đấu giá (nếu có).

- Trình tự, thủ tục niêm phong thùng phiếu như sau:

+ Sử dụng loại giấy có chất liệu mỏng và dễ nhận biết đã dấu niêm phong. Trên giấy niêm phong phải có ít nhất có 2 chữ ký của: Đại diện Trung tâm DV ĐGTS tỉnh BP, đại diện Người có tài sản và người đăng ký tham gia đấu giá (nếu có).

+ Việc niêm phong thùng phiếu phải được lập thành biên bản để ghi nhận thời gian và địa điểm niêm phong.

- Trung tâm DV ĐGTS tỉnh Bình Phước có trách nhiệm bảo quản và sự nguyên vẹn của những thùng phiếu đã được niêm phong cho đến khi được mở niêm phong theo đúng quy định.

b) Mở niêm phong thùng phiếu:

Tại phiên tổ chức đấu giá đấu giá viên điều hành thực hiện việc mở niêm phong thùng phiếu như sau:

- Đấu giá viên điều hành phiên đấu giá mời ít nhất một người tham gia đấu giá và đại diện người có tài sản giám sát về sự nguyên vẹn của thùng phiếu. Nếu không còn ý kiến nào khác về kết quả giám sát thì đấu giá viên tiến hành bóc niêm phong của thùng phiếu.

- Sau khi đã mở niêm phong thùng phiếu. Đấu giá viên điều hành phiên đấu giá mời ít nhất một người tham gia đấu giá và đại diện người có tài sản giám sát sự nguyên vẹn của từng phiếu trả giá; tiến hành bóc từng phiếu trả giá, công bố số phiếu hợp lệ, số phiếu không hợp lệ, công bố từng phiếu trả giá, phiếu trả giá cao nhất và công bố người có phiếu trả giá cao nhất là người trúng đấu giá

Mọi tổ chức, cá nhân có nhu cầu xin liên hệ tại: Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Bình Phước. Địa chỉ: Số 238 Đường Trần Hưng Đạo, phường Tân Phú, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước. ĐT liên hệ: 0271.3860216

**Nơi nhận:**

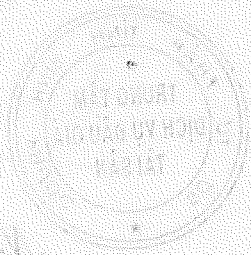
- Đăng website;
- Niêm yết;
- Lưu: VT, Hồ sơ.

**GIÁM ĐỐC**



*Ngô Diên Lợi*

TỈNH  
NG TẢ  
Ự ĐẤU  
I SẢ



1911

**CÁC CHỈ TIÊU KIỂM KÊ VƯỜN CÂY CAO SU THANH LÝ**  
**Gói số 02 - Diện tích 137,76ha. Khu vực Tân Hòa 1 - Đội Tân Hòa**

TT	Chu vi	Lô/Năm trồng	Diện tích	Tổng số cây	Hdc TB (m)	Ghi chú
1	Chu vi < 20cm	16A/2003	6,37	1	5,55	
	20 cm ≤ chu vi < 30 cm			1	6,00	
	30 cm ≤ chu vi < 40 cm			17	5,41	
	40 cm ≤ chu vi < 60 cm			431	5,50	
	60 cm ≤ chu vi < 80 cm			1237	5,64	
	80 cm ≤ chu vi < 100 cm			1182	5,50	
	Chu vi ≥ 100cm			199	5,36	
<b>Tổng cộng</b>				<b>3.068</b>	<b>5,57</b>	
2	Chu vi < 20cm	16B/2003	16,11	4	4,53	
	20 cm ≤ chu vi < 30 cm			3	1,83	
	30 cm ≤ chu vi < 40 cm			40	3,00	
	40 cm ≤ chu vi < 60 cm			985	3,94	
	60 cm ≤ chu vi < 80 cm			2709	4,57	
	80 cm ≤ chu vi < 100 cm			3177	4,72	
	Chu vi ≥ 100cm			855	4,49	
<b>Tổng cộng</b>				<b>7.773</b>	<b>3,87</b>	
3	Chu vi < 20cm	19/2003	26,82	1	5,67	
	20 cm ≤ chu vi < 30 cm			12	4,88	
	30 cm ≤ chu vi < 40 cm			67	5,70	
	40 cm ≤ chu vi < 60 cm			1051	5,77	
	60 cm ≤ chu vi < 80 cm			5263	5,80	
	80 cm ≤ chu vi < 100 cm			4729	5,58	
	Chu vi ≥ 100cm			954	5,29	
<b>Tổng cộng</b>				<b>12.077</b>	<b>5,53</b>	
4	Chu vi < 20cm	30/2003	11,45	3	5,29	
	20 cm ≤ chu vi < 30 cm			8	3,31	
	30 cm ≤ chu vi < 40 cm			50	3,86	
	40 cm ≤ chu vi < 60 cm			864	4,62	
	60 cm ≤ chu vi < 80 cm			2335	5,49	
	80 cm ≤ chu vi < 100 cm			2302	5,41	
	Chu vi ≥ 100cm			407	5,14	
<b>Tổng cộng</b>				<b>5.969</b>	<b>4,73</b>	
5	Chu vi < 20cm	32/2003	27,17	4	4,00	
	20 cm ≤ chu vi < 30 cm			17	3,18	
	30 cm ≤ chu vi < 40 cm			92	4,78	
	40 cm ≤ chu vi < 60 cm			1.477	5,60	
	60 cm ≤ chu vi < 80 cm			4.814	5,79	
	80 cm ≤ chu vi < 100 cm			6.032	5,75	
	Chu vi ≥ 100cm			1.197	5,91	
<b>Tổng cộng</b>				<b>13.633</b>	<b>5,00</b>	
6	Chu vi < 20cm	33/2003	16,25	11	5,62	
	20 cm ≤ chu vi < 30 cm			28	4,47	
	30 cm ≤ chu vi < 40 cm			51	4,51	
	40 cm ≤ chu vi < 60 cm			2048	5,49	
	60 cm ≤ chu vi < 80 cm			4986	5,62	
	80 cm ≤ chu vi < 100 cm			872	5,78	
	Chu vi ≥ 100cm			280	6,29	
<b>Tổng cộng</b>				<b>8.276</b>	<b>5,40</b>	
	Chu vi < 20cm			1	1,30	
	20 cm ≤ chu vi < 30 cm			23	2,00	



7	30 cm ≤ chu vi < 40 cm	34/2003	22,17	64	3,00	
	40 cm ≤ chu vi < 60 cm			2594	3,83	
	60 cm ≤ chu vi < 80 cm			6520	4,06	
	80 cm ≤ chu vi < 100 cm			1457	4,30	
	Chu vi ≥ 100cm			599	4,96	
<b>Tổng cộng</b>				<b>11.258</b>	<b>3,35</b>	
8	Chu vi < 20cm	32/2003 ND 2008	0,25			
	20 cm ≤ chu vi < 30 cm					
	30 cm ≤ chu vi < 40 cm			1	4,00	
	40 cm ≤ chu vi < 60 cm			4	5,25	
	60 cm ≤ chu vi < 80 cm			38	6,16	
	80 cm ≤ chu vi < 100 cm			60	6,38	
Chu vi ≥ 100cm	42	6,76				
<b>Tổng cộng</b>				<b>145</b>	<b>5,71</b>	
9	Chu vi < 20cm	34/2003 ND 2008	0,21			
	20 cm ≤ chu vi < 30 cm					
	30 cm ≤ chu vi < 40 cm					
	40 cm ≤ chu vi < 60 cm			4	3,75	
	60 cm ≤ chu vi < 80 cm			47	3,70	
	80 cm ≤ chu vi < 100 cm			27	3,74	
Chu vi ≥ 100cm	6	3,67				
<b>Tổng cộng</b>				<b>84</b>	<b>3,71</b>	
10	Chu vi < 20cm	32/2003 ND 2014	0,14	1	4,00	
	20 cm ≤ chu vi < 30 cm			5	5,60	
	30 cm ≤ chu vi < 40 cm			11	6,00	
	40 cm ≤ chu vi < 60 cm			43	4,67	
	60 cm ≤ chu vi < 80 cm			9	4,44	
	80 cm ≤ chu vi < 100 cm					
Chu vi ≥ 100cm						
<b>Tổng cộng</b>				<b>69</b>	<b>4,94</b>	
11	Chu vi < 20cm	1A/2004	10,31	4	4,75	
	20 cm ≤ chu vi < 30 cm			28	2,09	
	30 cm ≤ chu vi < 40 cm			145	2,72	
	40 cm ≤ chu vi < 60 cm			1289	3,13	
	60 cm ≤ chu vi < 80 cm			1328	3,53	
	80 cm ≤ chu vi < 100 cm			1062	4,22	
Chu vi ≥ 100cm	991	4,42				
<b>Tổng cộng</b>				<b>4.847</b>	<b>3,55</b>	
12	Chu vi < 20cm	1B/2004	0,51	1	3,41	
	20 cm ≤ chu vi < 30 cm					
	30 cm ≤ chu vi < 40 cm			5	2,50	
	40 cm ≤ chu vi < 60 cm			53	3,02	
	60 cm ≤ chu vi < 80 cm			60	3,33	
	80 cm ≤ chu vi < 100 cm			85	3,64	
Chu vi ≥ 100cm	37	3,69				
<b>Tổng cộng</b>				<b>241</b>	<b>3,26</b>	
<b>TỔNG CỘNG</b>	Chu vi < 20cm		<b>137,76</b>	31	3,68	
	20 cm ≤ chu vi < 30 cm			125	2,78	
	30 cm ≤ chu vi < 40 cm			543	3,79	
	40 cm ≤ chu vi < 60 cm			10.843	4,55	
	60 cm ≤ chu vi < 80 cm			29.346	4,84	
	80 cm ≤ chu vi < 100 cm			20.985	4,59	
Chu vi ≥ 100cm	5.567	4,67				
<b>TỔNG CỘNG</b>				<b>67.440</b>	<b>4,13</b>	